

(Xem tiếp trang 60)

KHAI THÁC QUẶNG SA KHOÁNG TITAN VÀ CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI CÁC TỈNH VEN BIỂN MIỀN TRUNG

TS. LÊ NGỌC NINH, KS. BÙI PHƯƠNG MỸ DUNG
Cục Thẩm định và ĐTM-Bộ TN&MT

1. Tổng quan

Hiện nay, những dự án khai thác titan ở Việt Nam phần lớn được triển khai ở các vùng ven biển miền Trung (tính từ Hà Tĩnh đến Bình Thuận), trên đất rừng trồng phi lao là rừng chắn cát hoặc rừng phòng hộ. Việc khai thác titan trong những năm qua gây ra ô nhiễm môi trường như:

- ❖ Nguy cơ ô nhiễm không khí, tác động đến đa dạng sinh học, đất khai khoáng vĩnh viễn phải bỏ hoang, ô nhiễm phóng xạ...

- ❖ Nguy cơ ảnh hưởng nguồn nước mặt xung quanh, có thể gây cạn kiệt, suy giảm tầng nước ngầm. Mặt khác, trên thực tế một số dự án khi đi vào khai thác có sử dụng nước biển để tuyển quặng, gây nhiễm mặn nhiều giếng nước, đất canh tác nông nghiệp của dân.

Trong quá trình khai thác, hầu hết các Chủ dự án không quan tâm đến công tác cải tạo, phục hồi môi trường, làm cho các khu vực thác titan có nguy cơ hoang mạc hoá cao. Việc phá vỡ lớp thực vật bản địa phục vụ quá trình khai thác sẽ gây ra các hiện tượng cát bay, cát nhảy lớn vào mùa khô, làm ảnh hưởng đến đời sống dân cư xung quanh khu vực dự án. Người dân thường xuyên có khiếu kiện về môi trường.

Các dự án khai thác titan tiềm ẩn nhiều tác động môi trường, cảnh quan, nguồn nước ở các mức độ khác nhau. Vì vậy, cần có sự quản lý, kiểm tra chặt chẽ và có các giải pháp hiệu quả để giảm thiểu, khắc phục những bất cập này. Những nội dung của bài báo dưới đây sẽ đề cập chi tiết vấn đề nêu trên.

2. Tình hình chung về hoạt động khai thác Titan

2.1. Về hoạt động khai thác khoáng titan

Theo tài liệu điều tra, cho đến thời điểm hiện nay, khu vực miền Trung có trên 40 đơn vị tổ chức

khai thác tại 38 khu mỏ và có trên 18 xưởng tuyển tinh quặng.

Về công nghệ khai thác, hầu hết các mỏ đều khai thác lộ thiên bằng công nghệ bán cơ giới kết hợp thủ công và tuyển thô trên giàn vít đứng. Các công đoạn công nghệ khai thác phổ biến như sau: dùng máy gạt hoặc thủ công dồn lớp phủ ra khỏi khai trường; khẩu quặng bằng các phương pháp dùng máy gạt dồn quặng thành đồng, sau đó dùng máy xúc (hoặc chở bằng ô tô) cấp cho hệ thống tuyển vít đứng; dùng súng bắn nước để phá quặng, sau đó dùng bơm cát cấp trực tiếp cho hệ thống tuyển vít đứng; dùng bơm đặt trên phao hút trực tiếp từ thân quặng cấp cho vít tuyển.

Về công nghệ tuyển, tinh quặng tổng hợp nhận được sau quá trình tuyển vít đứng được vận chuyển bằng ô tô về xưởng tuyển tinh. Tại đây, tinh quặng tổng hợp qua hệ thống lò sấy, tuyển từ, tuyển điện,... để tách các sản phẩm ilmenit, zircon, rutil,...

2.2. Về quản lý hoạt động khoáng sản

Công tác quản lý hoạt động khoáng sản được thực hiện thông qua các giấy phép khai thác (GPKT) do 2 cấp quản lý cấp cho các doanh nghiệp, trong đó Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép khai thác cho các mỏ có công suất lớn, còn Sở Tài nguyên và Môi trường cấp GPKT cho các mỏ có công suất nhỏ. Hoạt động quản lý việc tuân thủ các quy định của pháp luật tại các mỏ titan của các tỉnh chưa hiệu quả, việc cấp phép khai thác ồ ạt.

Tính đến năm 2013, trên địa bàn 11 tỉnh (từ Hà Tĩnh đến Bình Thuận) có khoảng trên 40 doanh nghiệp lớn, nhỏ đang khai thác titan, trong đó khoảng 50 % Giấy phép khai thác do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp, số còn lại là do Địa phương cấp. Hầu hết các đơn vị đều khai thác và xuất khẩu quặng thô với sản lượng bình quân hàng

năm là 100÷150 ngàn tấn. Từ khi có Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ, việc khai thác titan đã chuyển sang hướng chế biến sâu, sau đó mới được phép thực hiện các bước tiếp theo.

3. Tình hình tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong khai thác titan

3.1. Về thực trạng hoạt động khai thác titan hiện nay

Mặc dù số lượng mỏ đưa vào khai thác trong thời gian qua tương đối nhiều nhưng phần lớn là khai thác quy mô nhỏ và chủ yếu được thực hiện bởi các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với công nghệ khai thác, chế biến còn đơn giản, đầu tư còn manh mún, chắp vá. Nhiều đơn vị được cấp phép thăm dò và khai thác titan chưa tuân thủ triệt để theo nội dung của báo cáo ĐTM, chưa nghiêm túc chấp hành cam kết, xả nước thải ra môi trường xung quanh, chưa quản lý tốt nguồn titan trong khu vực thăm dò... Một số tổ chức, cá nhân sau khi được cấp phép khai thác đã thuê hoặc liên kết với các đơn vị khác khai thác. Chủ giấy phép khai thác chỉ quan tâm kiểm tra, giám sát khối lượng sản phẩm mà ít chú trọng việc các đơn vị khai thác thuê có tuân thủ pháp luật hay không. Các đơn vị khai thác thuê chỉ quan tâm vào khối lượng khai thác, khai thác chỗ thuận lợi như vùng quặng giàu, thuận tiện vận chuyển... Vì vậy, những trường hợp thuê hoặc liên kết khai thác thường gây thất thoát, lãng phí tài nguyên quốc gia, huỷ hoại cảnh quan và môi trường. Bên cạnh đó, một số đơn vị hoạt động khai thác titan khi chưa được cấp phép, hoặc khai thác ngoài diện tích được cấp phép, thực hiện khai thác không đúng thiết kế, chưa lập dự án cải tạo phục hồi môi trường, chưa chú trọng công tác phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác...

Bên cạnh đó, còn tồn tại nhiều tình trạng khai thác mỏ không đúng thiết kế được duyệt, khai thác ngoài phạm vi cấp phép hoặc sâu hơn độ sâu cho phép, khai thác trái phép; trên khâu lưu thông vận chuyển hàng hóa trên đường không có hóa đơn chứng từ kèm theo và thường vào ban đêm, gây khó khăn cho các cơ quan chức năng trong việc kiểm tra, kiểm soát; việc buôn bán tài nguyên khoáng sản không rõ nguồn gốc, trốn thuế lậu gây thất thu rất lớn cho ngân sách; hầu hết các đơn vị khai thác titan chưa có hoặc chưa chuẩn bị đầy đủ quy trình và kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường. Do vậy, việc cải tạo và phục hồi môi trường thực hiện được không đáng kể, mới chỉ mang tính cải tạo lại mặt bằng, trồng cây lâm nghiệp nhưng tỷ lệ cây sống thấp và phát triển kém, chưa thực hiện đúng nghĩa phục hồi môi trường; mặt bằng sau khi

khai thác titan chưa được san ủi, cây phát triển kém, thậm chí có công ty chưa thực hiện san ủi, hoàn thổ trả lại mặt bằng theo quy định.

Như vậy, có thể thấy thực trạng hoạt động khai thác titan hiện nay đã gây ảnh hưởng trầm trọng đến môi trường, làm cho môi trường đất đai bị đảo lộn, nguồn nước ngầm và nước mặt bị cạn kiệt, người dân thiếu nước dùng cho sản xuất và sinh hoạt; nước thải từ việc tuyển quặng làm ô nhiễm môi trường nước mặt, nước ngầm; môi trường không khí bị vẩn đục; nguy cơ đối mặt với sạt lở, nạn cát bay, sóng và gió biển xâm thực làng mạc rất cao; tình trạng mất an toàn lao động gây chết người, gây ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác có phép cũng như trái phép vẫn chưa được khắc phục.

3.2. Về thực hiện nội dung báo cáo Đánh giá tác động môi trường (ĐTM)

Qua các đợt khảo sát cho thấy, nhiều doanh nghiệp đã tự ý thay đổi công suất khai thác, không phù hợp với nội dung báo cáo Đánh giá tác động môi trường (ĐTM). Một số tổ chức, cá nhân chưa nghiêm túc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong khai thác, chế biến khoáng sản. Một số đơn vị đã lập báo cáo ĐTM nhưng chưa thực hiện đúng các nội dung của báo cáo như: (i) Không thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường; (ii) Thiếu trách nhiệm về giảm thiểu bụi, tiếng ồn, xử lý nước thải... kể cả khi cộng đồng và địa phương phản ánh; (iii) Khai thác khoáng sản chưa có quy hoạch bãi thải và hệ thống xử lý nước thải; (iv) Chưa thực hiện được phục hồi môi trường cũng như (v) Chưa thực hiện đầy đủ việc quan trắc và báo cáo môi trường định kỳ...

3.3. Về thực hiện chương trình giám sát môi trường theo nội dung đã cam kết

Qua khảo sát điều tra cho thấy: chỉ một số ít đơn vị thực hiện tương đối nghiêm túc các quy định cần thiết như quan trắc, giám sát môi trường định kỳ, thực hiện nội dung trong bản cam kết đạt tiêu chuẩn môi trường và tham gia nghĩa vụ quỹ phục hồi môi trường, đa phần còn lại là chưa thực hiện nghiêm túc, nhiều đơn vị không thực hiện chương trình giám sát môi trường theo bản cam kết môi trường và giấy đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.

Theo quy định pháp luật, tất cả các doanh nghiệp, đơn vị, cá nhân có hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản phải lập dự án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản, tuy nhiên, qua kiểm tra thực tế chỉ hơn 50 % số đơn vị được kiểm tra thực hiện tốt việc ký quỹ phục hồi đúng quy định của Luật Khoáng sản. Số

đơn vị còn lại vẫn chưa hoặc đang trình ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường.

3.4. Về quản lý, thực hiện và giám sát BVMT

Nhìn chung, công tác quản lý, thực hiện và giám sát BVMT ở các tỉnh vẫn còn yếu kém, hoạt động giám sát, thực thi các chính sách, quy định của pháp luật trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản thời gian qua còn lỏng lẻo (trừ một số tỉnh thực hiện tương đối tốt như Thừa Thiên Huế, Hà Tĩnh).

Bên cạnh đó, hoạt động giám sát, thực thi các chính sách, quy định của pháp luật trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản thời gian qua còn lỏng lẻo, chưa rõ ràng, việc thực hiện giám sát chất lượng môi trường không đầy đủ. Lực lượng cơ quan chức năng mỏng, thiếu kiến thức chuyên môn; việc thanh tra, kiểm soát chưa sát sao và toàn diện. Các cơ quan chức năng chưa kiểm tra, quản lý sản lượng quặng một cách chặt chẽ mà thường chỉ dựa vào sự kê khai của các doanh nghiệp.

Ở nhiều vùng khai thác khoáng sản cho thấy, ĐTM được lập nhưng công tác quản lý, giám sát BVMT của các cơ quan quản lý nhà nước chưa được thực hiện đúng theo yêu cầu nội dung của báo cáo ĐTM, đặc biệt là vai trò tham gia giám sát của các tổ chức xã hội, cộng đồng địa phương còn yếu. Hoạt động cải tạo, phục hồi môi trường chưa thực hiện được nhiều, chủ yếu là mới ở dạng mô hình; đặc biệt là tình trạng khai thác trái phép không được hoàn thổ đã gây hậu quả xấu đến môi trường nước, môi trường đất, gây ảnh hưởng đến việc canh tác nông nghiệp của nhân dân trong vùng.

Nhiều vùng đã kết thúc khai thác nhưng chưa thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường. Ở một số điểm điều tra, cơ quan quản lý cho rằng địa phương gặp rất nhiều khó khăn trong việc quản lý giám sát việc sử dụng quỹ phục hồi môi trường sau khai thác của các doanh nghiệp, nhất là trong trường hợp doanh nghiệp không thực hiện phục hồi môi trường, địa phương không quản lý trực tiếp nguồn vốn này nên rất khó thuê tư vấn thực hiện theo quy định. Từ khi ban hành quyết định 71/2008/QĐ-TTg (nay được thay thế bởi Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg) quy định về lập dự án cải tạo, phục hồi môi trường làm cơ sở cho việc ký quỹ nhưng các địa phương vẫn chưa thực hiện một cách có hiệu quả, cụ thể là: việc tổ chức triển khai ký quỹ phục hồi môi trường thực hiện không đáng kể; việc ký quỹ phục hồi môi trường nhiều nơi chưa triển khai thực hiện được; việc phục hồi môi trường, đất đai tại các khu vực đã khai thác nhiều mỏ chưa thực hiện tốt; việc ký quỹ phục hồi môi

trường đã được thực hiện, song nhiều mỏ chưa thực hiện nghiêm túc, tiến độ nộp tiền ký quỹ phục hồi môi trường còn chậm, không theo đề án được phê duyệt.

4. Nguyên nhân của tình trạng sai phạm

4.1. Bất cập tồn tại từ các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản

❖ Công nghệ khai thác của các doanh nghiệp khai thác titan chủ yếu là thủ công, do vậy, lượng khoáng sản chỉ được thu hồi tối đa 70-80 %, còn lại vẫn nằm trong cát.

❖ Các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vì lợi ích kinh tế trước mắt chỉ chú trọng đầu tư cho khai thác (kể cả sử dụng công nghệ lạc hậu) để xuất khẩu thô thu hồi vốn nhanh, chưa quan tâm đầu tư chế biến. Các tổ chức hoạt động khoáng sản thường có xu hướng tăng cường khai thác vượt cả kế hoạch trong giấy phép, xem nhẹ trách nhiệm BVMT và quyền lợi người dân vùng mỏ.

❖ Việc tuân thủ pháp luật, tuân thủ quy định, tiêu chuẩn về kỹ thuật, BVMT của các doanh nghiệp còn tùy tiện, chưa thực hiện đầy đủ những nội dung quy định trong dự án đầu tư và ĐTM;

❖ Một số tổ chức, cá nhân sau khi được cấp phép khai thác đã thuê hoặc liên kết với các đơn vị khác khai thác (kể cả Vinacomin cũng thực hiện thuê thầu khai thác). Chủ giấy phép khai thác chỉ quan tâm kiểm tra, giám sát khối lượng sản phẩm, mà ít chú trọng việc các đơn vị khai thác thuê có tuân thủ pháp luật hay không. Các đơn vị khai thác thuê chỉ quan tâm vào khối lượng khai thác, khai thác chỗ thuận lợi như vùng vùng quặng giàu, thuận tiện vận chuyển... Vì vậy những trường hợp thuê hoặc liên kết khai thác thường gây thất thoát, lãng phí tài nguyên quốc gia, hủy hoại cảnh quan và môi trường;

❖ Hầu hết các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản chưa có hoặc chưa chuẩn bị đầy đủ quy trình và kế hoạch cải tạo phục hồi môi trường. Do vậy việc cải tạo và phục hồi môi trường thực hiện được không đáng kể, mới chỉ mang tính cải tạo lại mặt bằng, trồng cây lâm nghiệp nhưng tỷ lệ cây sống thấp và phát triển kém, chưa thực hiện đúng nghĩa phục hồi môi trường;

❖ Một số nơi, hoạt động KTKS trái phép tiến hành vào ban đêm và các ngày nghỉ, khai thác ở địa bàn giáp ranh giữa các địa phương. Đối tượng KTKS trái phép ngày càng tinh vi và luôn cảnh giác, theo dõi lực lượng kiểm tra, thêm vào đó thông tin liên lạc hiện nay khá thuận lợi, các đối tượng KTKS trái phép thường liên lạc, cảnh giới cho nhau nên việc kiểm tra, truy quét thường bị lộ thông tin.

❖ Nhiều đối tượng KTKS trái phép trang bị dụng cụ chống đối, đe dọa và có hành vi trả thù cán bộ thi hành công vụ, do đó nếu không có lực lượng công an, quân đội tham gia thì rất khó tiếp cận và lập hồ sơ xử lý.

4.2. Bất cập, tồn tại từ cộng đồng và các tổ chức xã hội vùng khai khoáng

Nhận thức, hiểu biết của cộng đồng về pháp luật còn thấp, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến BVMT, quyền lợi người dân vùng có khai thác khoáng sản, dân chủ ở xã phường, thị trấn... Vì vậy khi có vấn đề bức xúc người dân chỉ biết phản ánh lên chính quyền địa phương (trực tiếp là UBND xã, phường), trong khi họ có quyền được biết thông tin về môi trường, quyền được yêu cầu giải trình, đối thoại với các bên quản lý và gây ra tác động bất lợi, cũng như được hưởng quyền lợi vùng khai thác khoáng sản...

Cộng đồng và các tổ chức xã hội trong hệ thống Mặt trận tổ quốc Việt Nam tại vùng mỏ ít được tham gia giám sát hoặc chưa thực hiện đầy đủ vai trò giám sát việc thi hành pháp luật về khoáng sản (điều 4 Luật Khoáng sản)...

4.3. Một số doanh nghiệp khai thác titan không thực hiện đầy đủ các nội dung trong giấy phép

Nguyên nhân dẫn đến tình hình trên một phần do các tổ chức, cá nhân khai thác làm liều, làm ẩu, bất chấp quy định pháp luật. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ sở này do vốn đầu tư hạn chế, khai thác bằng phương pháp thủ công, bán cơ giới, công nghệ lạc hậu và nhất là do chạy theo lợi nhuận, ý thức chấp hành luật pháp chưa cao nên các chủ cơ sở này ít quan tâm công tác bảo vệ môi trường, an toàn lao động, bảo vệ tài nguyên, để lại nhiều hậu quả xấu về môi trường. Không ít các mỏ đang hoạt động hiện nay, hoạt động không theo dự án, thiết kế và báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết BVMT được duyệt hoặc chấp thuận.

Tính đồng bộ và tính triệt để của các giải pháp BVMT chưa được coi trọng nên một số chỉ tiêu môi trường quan trắc được tại các điểm giám sát ở từng phạm vi nhất định thì có thể nằm trong giới hạn cho phép nhưng ở quy mô tổng thể thì lại vượt quá tiêu chuẩn.

Thực tế hoạt động của không ít đơn vị khai thác titan đang tạo ra sự lo ngại đối với công tác quản lý, nhất là công tác bảo vệ môi trường; có đơn vị đã có giám đốc điều hành mỏ nhưng đa số không đủ tiêu chuẩn theo quy định.

Một số đơn vị hoạt động titan chưa chấp hành đầy đủ các quy định như khai thác ngoài diện tích được cấp phép, thực hiện khai thác không đúng

thiết kế, chưa lập dự án cải tạo phục hồi môi trường, chưa chú trọng công tác phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác.

Hiện nay vẫn còn nhiều đơn vị được cấp phép thăm dò và khai thác titan chưa nghiêm túc chấp hành cam kết, xả nước thải ra môi trường xung quanh, chưa quản lý tốt nguồn titan trong khu vực thăm dò. Việc cấp phép khai thác ồ ạt như vừa qua đã gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

Các biện pháp bảo vệ môi trường chưa được thực hiện thường xuyên nên chất lượng môi trường xung quanh tại khu vực khai thác titan một số cơ sở đã có dấu hiệu vượt tiêu chuẩn cho phép, chất lượng nước ngầm tại khu vực khai thác titan và chất lượng nước mặt tại khu vực khai thác đá, đất đai bị ô nhiễm.

4.4. Sự buông lỏng quản lý của các cơ quan chức năng

Nguyên nhân của tình trạng sai phạm tràn lan trên, ngoài yếu tố chủ quan từ phía các doanh nghiệp, còn do sự buông lỏng quản lý của các cơ quan chức năng. Ngoài những nguyên nhân đó còn phải kể đến những bất cập về Luật và cách thức quản lý nhà nước của chúng ta về khoáng sản. Mặt khác, công tác quản lý nhà nước về BVMT, nhất là thanh, kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp luật về BVMT chưa duy trì thường xuyên; lực lượng thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về BVMT ít chưa tương xứng với các yêu cầu, nhiệm vụ của công tác BVMT. Công tác lập phương án đền bù, giải phóng mặt bằng, thu hồi và cho thuê đất để khai thác khoáng sản còn chậm.

Việc cấp phép và khai thác khoáng sản ồ ạt đã để lại những hậu quả lớn về môi trường, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân, công tác hậu kiểm trong khai thác khoáng sản kém, chính quyền địa phương cấp huyện, cấp xã bất lực trong hoạt động quản lý khai thác khoáng sản, mâu thuẫn lợi ích giữa người dân địa phương và doanh nghiệp khai thác khoáng sản diễn ra ngày càng nhiều...

Một số chính quyền địa phương còn xem nhẹ công tác quản lý, chưa có chế tài đủ mạnh để hạn chế tình trạng khai thác trái phép, bảo vệ tài nguyên, môi trường. Thêm vào đó, số lượng, năng lực chuyên môn của cán bộ các cấp, các ngành và kinh phí cho công tác quản lý còn hạn chế nên công tác kiểm tra, truy quét, hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật của các ngành, các cấp đối với các HĐKS chưa được chặt chẽ, đầy đủ, kịp thời; khi phát hiện sai phạm, chính quyền địa phương thiếu đơn đốc các tổ chức, cá nhân khắc phục và xử lý chưa kiên quyết, dứt điểm, nhất là các đơn vị chây ì, cố tình vi phạm pháp luật kéo dài.

Chính sách tài chính không ổn định và chưa phù hợp; quy định về xử lý vi phạm, thường phạt, thanh tra... còn thiếu, không đồng bộ và chưa cụ thể. Phí BVMT và ký quỹ phục hồi môi trường chưa phù hợp. Do vậy, có thể đây là những nguyên nhân chủ yếu làm giảm hiệu lực và tính thực thi của Luật Khoáng sản:

❖ Phí BVMT trong hoạt động khoáng sản (Nghị định số 63/2008/NĐ-CP của Chính phủ) quy định được tính theo sản lượng quặng khai thác chưa tính đến các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường như phương pháp khai thác, chế biến (lộ thiên, hầm lò, phương pháp tuyển, công nghệ chế biến), đặc điểm tự nhiên, vùng miền, mức độ gây ô nhiễm đến môi trường...

❖ Quy định về địa điểm ký quỹ phục hồi môi trường chưa rõ ràng (tại quỹ BVMT Việt Nam và quỹ BVMT địa phương) dẫn đến tình trạng các doanh nghiệp thường ký quỹ tại quỹ BVMT Việt Nam nên chính quyền địa phương không chủ động được trong việc quản lý giám sát thực hiện và điều động thuê tư vấn thực hiện khi doanh nghiệp không đảm bảo việc hoàn thổ phục hồi môi trường theo quy định. Việc tổ chức triển khai ký quỹ phục hồi môi trường thực hiện không đáng kể, việc ký quỹ phục hồi môi trường nhiều nơi chưa triển khai thực hiện được. Nhiều vùng đã kết thúc khai thác nhưng chưa thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường. Ở một số điểm điều tra, cơ quan quản lý cho rằng địa phương gặp rất nhiều khó khăn để quản lý giám sát việc sử dụng quỹ để phục hồi môi trường sau khai thác của các doanh nghiệp, nhất là trong trường hợp doanh nghiệp không thực hiện phục hồi môi trường, địa phương không quản lý trực tiếp nguồn vốn này nên rất khó thuê tư vấn thực hiện theo quy định. Quyết định số 71/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về lập dự án cải tạo phục hồi môi trường đã được ban hành từ lâu, tuy nhiên việc ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường tại nhiều địa phương vẫn chưa triển khai được.

Chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản chưa tập trung về một đầu mối, thẩm quyền và trách nhiệm của các Bộ ở Trung ương và các Sở ở địa phương không rõ ràng, chồng chéo như: Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý nhà nước về khoáng sản, nhưng Bộ Xây dựng và Bộ Công Thương được phân công lập quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản... Thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản chỉ có 02 cấp, đó là Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND cấp tỉnh nhưng có một số huyện, xã do áp lực về quản lý và sử dụng khoáng sản vẫn cho phép các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản không đúng thẩm quyền.

Luật Khoáng sản chưa quy định phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản cho địa phương, điều kiện để được cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng có công suất khai thác nhỏ, thời gian khai thác ngắn, phục vụ cho nhu cầu tại chỗ là quá chặt chẽ nên nhiều trường hợp nếu lập thủ tục xin cấp giấy phép khai thác theo đúng quy định thì sẽ không đủ điều kiện, mất thời gian, đôi khi làm chậm trễ tiến độ thi công công trình, không có hiệu quả, không phù hợp với chủ trương cải cách thủ tục hành chính.

Một số nơi, hoạt động khai thác khoáng sản trái phép tiến hành vào ban đêm và các ngày nghỉ, khai thác ở địa bàn giáp ranh giữa các địa phương. Đối tượng khai thác khoáng sản trái phép ngày càng tinh vi và luôn cảnh giác, theo dõi lực lượng kiểm tra, thêm vào đó thông tin liên lạc hiện nay khá thuận lợi, các đối tượng khai thác khoáng sản trái phép thường liên lạc, cảnh giới cho nhau nên việc kiểm tra, truy quét thường bị lộ thông tin; nhiều đối tượng KTKS trái phép trang bị dụng cụ chống đối, đe dọa và có hành vi trả thù cán bộ thi hành công vụ, do đó nếu không có lực lượng công an, quân đội tham gia thì rất khó tiếp cận và lập hồ sơ xử lý.

5. Một số giải pháp về mặt quản lý đề xuất

5.1. Hoàn thiện văn bản pháp luật

Để công tác quản lý nhà nước về khoáng sản được thuận lợi, đúng quy định pháp luật, Bộ Tài nguyên và Môi trường cần/có thể xem xét một số kiến nghị sau:

❖ Luật Khoáng sản 2010 đã tăng cường các điểm về BVMT và Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/NĐ-CP ngày 09 tháng năm 2012 hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản, tuy nhiên việc triển khai, áp dụng các văn bản này còn nhiều hạn chế. Để môi trường tại các vùng khai mỏ được đảm bảo, ngoài việc tăng cường giám sát và kiểm tra của cơ quan chức năng thì cũng cần có những quy định pháp lý nhằm bổ sung các khiếm khuyết của các văn bản pháp luật như tăng cường tính minh bạch, công bố thông tin, trách nhiệm giải trình, sự tham gia của các tổ chức xã hội và cộng đồng địa phương trong kiểm tra và giám sát việc BVMT.

❖ Xác định hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xác định tài nguyên đất khai thác để san lấp, xây đắp công trình có phải là khoáng sản không, nếu phải thì thuộc danh mục khoáng sản nào.

❖ Thống nhất ban hành văn bản quy định nội dung Thiết kế mỏ; quy định, hướng dẫn thủ tục thẩm định đề án thăm dò khoáng sản; xác định cụ thể tọa độ các điểm góc khép kín (theo hệ tọa độ quốc gia) của khu vực khoáng sản được quy hoạch thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Bộ Xây dựng và

Bộ Công Thương.

5.2. Việc cấp phép khai thác

❖ Việc cấp phép khai thác chỉ được xem xét sau khi Báo cáo thăm dò, trữ lượng mỏ tại các khu vực nêu trên được Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản phê duyệt.

❖ Trong các giấy phép khai thác titan do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hạn chế và đi đến cấm xuất khẩu khoáng sản titan dưới dạng nguyên liệu thô. Khi xuất khẩu quặng lựu tức là đã vi phạm pháp luật, các Bộ, ngành, địa phương liên quan có trách nhiệm xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm. UBND tỉnh chỉ đạo các chủ đầu tư dự án chế biến sâu quặng titan trên địa bàn sớm hoàn thành và đưa các nhà máy chế biến sâu quặng titan vào hoạt động theo đúng quy hoạch đã được duyệt.

❖ Ưu tiên cấp phép khai thác titan cho các doanh nghiệp có công nghệ và trang thiết bị hiện đại để tận thu toàn bộ lượng titan được cấp phép theo thiết kế cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phục hồi môi trường sau khai thác, đảm bảo hoạt động khai thác không làm ảnh hưởng đến môi trường.

5.3. Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống quản lý dữ liệu

Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống quản lý dữ liệu bằng công nghệ số hoá nguồn quặng titan trên phạm vi cả nước để lưu trữ quốc gia; đẩy mạnh công tác thăm dò để chuẩn bị tài nguyên cho các dự án đưa vào khai thác giai đoạn đến năm 2015 và 2016-2020; thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản titan đối với các mỏ titan còn lại.

5.4. Nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý

❖ Tiếp tục hoàn chỉnh và nâng cao tính hữu hiệu của hệ thống quản lý cũng như những giải pháp kinh tế-xã hội đúng đắn của nhà nước và doanh nghiệp trong quá trình thực thi Quy hoạch Titan.

❖ Đảm bảo thu phí và sử dụng phí BVMT gắn liền với hiệu quả BVMT.

❖ Ký quỹ phục hồi môi trường: Thống nhất ký quỹ tại quỹ BVMT địa phương nơi có khoáng sản khai thác để thuận lợi cho địa phương thực hiện công tác quản lý, giám sát và sử dụng quỹ này khi cần thiết nếu doanh nghiệp không thực hiện hoàn thổ phục hồi môi trường.

❖ Quy định vai trò trách nhiệm của các bên liên quan đối với công tác BVMT, đặc biệt là vai trò chủ trì của ngành TN&MT (Sở, Chi cục Bảo vệ Môi trường) trong việc tham mưu cho UBND các cấp về sử dụng phí BVMT...

❖ UBND tỉnh, các sở, ban, ngành và chính quyền địa phương cần tăng cường kiểm tra, thanh

tra thường xuyên công tác khai thác, thăm dò titan trên địa bàn. Để phát triển bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên khoáng sản hài hòa với phát triển kinh tế và xã hội, các tỉnh như: Bình Định, Bình Thuận và Ninh Thuận cần lập quy hoạch, dự án khai thác titan cụ thể theo hướng nhanh nhất để trả lại mặt bằng, cơ sở hạ tầng cho người dân. Ngoài ra, UBND tỉnh cần xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm, đồng thời chỉ đạo các chủ đầu tư dự án chế biến sâu quặng titan trên địa bàn sớm hoàn thành và đưa các nhà máy chế biến sâu quặng titan vào hoạt động theo đúng quy hoạch đã được duyệt. Đối với các doanh nghiệp, trong hồ sơ trình xin cấp phép khai thác bắt buộc phải có báo cáo ĐTM (hoặc bản cam kết BVMT) được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận. Trong hoạt động khai thác khoáng sản, các doanh nghiệp còn phải lập dự án cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác, ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định. Riêng đối với khu vực thuộc rừng ven biển, tỉnh phải kiên quyết không cấp phép khai thác khoáng sản

5.5. Tăng cường kiểm tra, thanh tra

❖ Đối với những mỏ đang khai thác, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh tổ chức kiểm tra, nếu không bảo đảm môi trường thì thu hồi giấy phép, yêu cầu phục hồi môi trường và đưa vào quy hoạch dự trữ quốc gia.

❖ UBND huyện, thành phố tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về môi trường tại các cơ sở khai thác titan thuộc thẩm quyền. Đặc biệt là kiểm soát việc phân lô khai thác cũng như việc hoàn thổ, trồng cây phục hồi môi trường. Kiên quyết xử lý các cơ sở cố tình vi phạm Luật Bảo vệ môi trường.

❖ Các ngành chức năng của tỉnh cần tăng cường công tác phối hợp trong việc theo dõi thực hiện thiết kế cơ sở, an toàn lao động cũng như các giải pháp bảo vệ môi trường theo từng lĩnh vực quản lý. Kiên quyết xử lý các cơ sở cố tình vi phạm, đề xuất UBND tỉnh thu hồi giấy phép khai thác titan đối với các cơ sở chưa chấp hành tốt các quy định của pháp luật trong quá trình khai thác.

5.6. Giải pháp nâng cao nhận thức cộng đồng

❖ Tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn các doanh nghiệp khai thác titan trên địa bàn phải tuân thủ nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường đã cam kết trong hồ sơ môi trường; đặc biệt các cơ sở khai thác chế biến đá xây dựng cần tăng cường tần suất phun sương, tạo ẩm tại trạm xay nghiền và trên đường vận chuyển nhằm hạn chế bụi phát sinh ra môi trường xung quanh.

❖ Tuyên truyền nâng cao nhận thức về môi trường cho cán bộ, công nhân trong mỏ thông qua

các buổi hội thảo chuyên đề, phương tiện truyền thông đại chúng của địa phương, các khoá đào tạo. Hướng dẫn cán bộ, công nhân mỏ thực hành quan trắc và thực thi các hướng dẫn bảo vệ môi trường cho khu vực sản xuất và xung quanh mỏ.

6. Kết luận và kiến nghị

Việc khai thác titan ven biển sẽ ảnh hưởng lớn đến cảnh quan môi trường sinh thái và có những tác động không có lợi đến các ngành kinh tế khác, đặc biệt là ngành du lịch của đất nước. Đây là vấn đề hệ trọng đối với việc phát triển kinh tế bền vững và bảo vệ môi trường của Việt Nam, cần được các nhà lãnh đạo quản lý và sản xuất cân nhắc, quan tâm đặc biệt. Chính phủ cần sớm ban hành "Quy hoạch phân vùng thăm dò khai thác, chế biến và sử dụng quặng titan Việt Nam giai đoạn 2010-2020 có xét đến 2030" để các bộ, ban, ngành... và các doanh nghiệp trực tiếp khai thác có cơ sở thực hiện tốt hơn. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tập Báo cáo tình hình thăm dò, khai thác, chế biến titan trên địa bàn các tỉnh từ Hà Tĩnh đến Bình Thuận" tháng 12/2011. Tài liệu thu thập của

nhóm thực hiện nhiệm vụ titan năm 2011.

2. Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ (2012 "Kiểm tra, đánh giá thực trạng công tác bảo vệ môi trường của hoạt động chuyển đổi rừng tự nhiên sang trồng cao su và hoạt động khai thác titan", Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Báo cáo kết quả thanh tra việc chấp hành pháp luật về đất đai, môi trường, khoáng sản và tài nguyên nước đối với hoạt động khai thác titan tại tỉnh Bình Thuận và tỉnh Bình Định năm 2011, Đoàn thanh tra theo Quyết định số 488/QĐ-BTNMT ngày 21/3/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Người Biên tập: Hồ Sĩ Giao

SUMMARY

The paper offers some weakness points in the mineral action for titane exploitation in sea beach zone in the last time. Authors also suggest some solutions for state management to reduce the bad influences from the action.

ĐẶC ĐIỂM QUẶNG HOÁ...

(Tiếp theo trang 73)

❖ Tổng tiềm năng tài nguyên chì-kẽm khu vực Bản Vai-Bản Ran ở cấp 333+334^a là 173.656 tấn kim loại Pb+Zn, trong đó tài nguyên cấp 333 là 99.163 tấn kim loại Pb+Zn. Ngoài ra, còn đánh giá được 248.799 tấn BaSO₄ ở cấp tài nguyên 333+334^a, trong đó cấp 333 là 154.868 tấn BaSO₄. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Khắc Hiền và nnk, 2006. Báo cáo kết quả kết quả đánh giá khoáng sản chì-kẽm khu vực Bản Bó, Cao Bằng. Lưu trữ Tổng cục Địa chất và Khoáng sản. Hà Nội.

2. Nguyễn Khắc Hiền và nnk, 2012. Báo cáo điều tra, đánh giá quặng chì-kẽm khu vực Bản Vai-Bản Ran, Bảo Lâm, Cao Bằng. Lưu trữ Tổng cục Địa chất và Khoáng sản. Hà Nội.

3. Mai Thế Truyền & nnk, 1997. Báo cáo kết quả đo vẽ bản đồ địa chất-khoáng sản nhóm tờ Bảo Lạc tỉ lệ 1/50.000. Lưu trữ Tổng cục Địa chất và Khoáng sản. Hà Nội.

Người biên tập: Nguyễn Bình

SUMMARY

In the Bản Vai-Bản Ran area there exist 9 lead-zinc ore bodies distributed in carbonate beds interbedded with terrigenous beds of the Nà Bó formation. The lead-zinc ores have hydrothermal genesis from low to medium temperature. The thickness of ore bodies is unstable, varying from 1.35 to 7.52m. The mineral composition of primary ore consists of anglesite, goethite, smithsonite, hydrogoethite and non-ore minerals include calcite, dolomite and quartz. The average Pb+Zn content in ore bodies varies from 3.6 to 6.93 %. The total potential of lead-zinc resources in the Bản Vai-Bản Ran area at the 333+334a ranks is 173,656 tons of Pb+Zn, in which the resources of 333 rank is 99,163 tons of Pb+Zn. Besides, the resources of BaSO₄ at 333+334a rank are assessed as 248,799 tons, in which the resources of 333 rank is 154,868 tons of BaSO₄.